TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 6 - 2022
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm

2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Chau Pholy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2022 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐ-TA ngày 26 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Néang N, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Chau H, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh An Giang.

Bà Néang N vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt; ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09-02-2022, nguyên đơn bà Néang N trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Chau H chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông H không lo làm việc tạo thu nhập, thường xuyên uống rượu, về khuya, đánh nhau và đánh bà N. Nhận thấy không thể chung sống, bà N yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Giữa bà và ông H có 01 con chung tên Néang Srây Pênh, sinh ngày 13-3-2016. Bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Nây cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để ghi nhận ý kiến và hòa giải nhưng ông H không đến và không cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án nên không tiến hành hòa giải được.

Theo Biên bản xác minh ngày 29-3-2022, đại diện Ban ấp An Lợi, xã Châu Lăng cho biết: Quá trình chung sống với bà N, ông H chỉ ở nhà, không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu và đánh nhau với người ngoài, có lần còn đánh bà N.

Tại phiên tòa,

Bà N vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, ông H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

Thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán công bố toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 98, Điều 101, Điều 104 BLTTDS; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 71 BLTTDS, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ những vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm Điều 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Qua thời gian tìm hiểu nhau giữa bà Néang N và ông Chau H tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn vào ngày 19-9-2018 nên được xem là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ biên bản xác minh ngày 29/3/2022, ông H không lo làm ăn, uống rượu, gây gỗ với người ngoài và đánh và Nây. Về con chung: có 01 con chung Néang Srây Pênh, sinh ngày 13-3-2016 hiện đang sống với bà N, để đảm bảo điều kiện sinh sống, không làm thay đổi môi trường sống nên giao cháu Pênh cho bà N tiếp tục

nuôi dạy là phù hợp, ông H không phải cấp dưỡng do bà N không yêu cầu. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Từ nhận nhận định trên, xét thấy bà N yêu cầu ly hôn với ông H là có cơ sở chấp nhận, đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà N và ông H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 19-9-2018 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình"*. Tuy nhiên, căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, biên bản xác minh tại ấp An Lợi, xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn, có cơ sở xác định: Quá trình chung sống, ông H không làm tròn nghĩa vụ người chồng, thay vì chia sẻ về kinh tế, yêu thương chăm sóc vợ con thì ông H lại không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, đánh nhau với người ngoài và đánh bà N. Nên, lời khai của bà N cho rằng không thể chung sống với ông H là có cơ sở. Xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc yêu cầu ly hôn với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Theo lời khai của bà N, cháu Néang Srây Pênh, đang được gia đình bà N và ông H chăm sóc. Quá trình giải quyết vụ án, ông H không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu được nuôi con chung của bà N nên được xác định là không tranh chấp về nuôi con chung. Mặt khác, việc giải quyết cho cha hoặc mẹ nuôi con sau khi ly hôn là cần thiết. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà N về việc được trực tiếp nuôi con chung tên Néang Srây Pênh, sinh ngày 13-3-2016. Ông H không phải cấp dưỡng để bà N nuôi con chung do bà N không yêu cầu.

Bà Néang N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Chau H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông H không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Néang N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang N được ly hôn với ông Chau H.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 79, ngày đăng ký kết hôn: 19 tháng 9 năm 2018, của Ủy ban nhân dân xã Châu Lăng, huyện Tri Tôn không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Bà Néang N được trực tiếp nuôi con chung tên Néang Srây Pênh, sinh ngày 13-3-2016. Ông Chau H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Néang N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Chau H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Néang N phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0008138 ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tri Tôn.

Ông Chau H không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bà Néang N và ông Chau H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt đúng quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND H Tri Tôn (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Tri Tôn (1);
- Các đương sự;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Tâm